

TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN DẦU TIẾNG  
TỈNH BÌNH DƯƠNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 57/2024/DS-ST  
Ngày: 22-5-2024  
V/v “Tranh chấp  
hợp đồng tín dụng”

NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN DẦU TIẾNG, TỈNH BÌNH DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Văn Tùng.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Hồ Đắc Minh;

2. Ông Trương Hữu Bình.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Ngọc Thọ – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Dầu Tiếng, tỉnh Bình Dương.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Dầu Tiếng, tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thanh Bình – Kiểm sát viên.

Ngày 22/5/2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Dầu Tiếng, tỉnh Bình Dương. Tòa án nhân dân huyện Dầu Tiếng mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 571/2023/TLST-DS ngày 16 tháng 11 năm 2023 về việc “Tranh chấp hợp đồng tín dụng”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 63/2024/QĐXXST-DS ngày 08/4/2024 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ngân hàng Thương mại cổ phần K (Ngân hàng TMCP K). Địa chỉ: 4 P, phường V, thành phố R, tỉnh Kiên Giang.

Người đại diện hợp pháp: Ông Lê Thành T, sinh năm 1996; địa chỉ liên hệ: Số F C, khu phố B, phường C, Thành phố T, tỉnh Tây Ninh. Là người đại diện theo ủy quyền (Quyết định ủy quyền số 389/QĐ-NHKL ngày 05/01/2024).

2. Bị đơn: Ông Phạm Văn T1, sinh năm 1993; địa chỉ thường trú: Ấp H, xã M, huyện D, tỉnh Bình Dương.

Đại diện nguyên đơn ông T vắng mặt và đã có đơn yêu cầu vắng mặt, bị đơn ông T1 được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt lần thứ hai không có lý do.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Theo Đơn khởi kiện ghi ngày 04/11/2023, quá trình tố tụng giải quyết vụ án, nguyên đơn trình bày:*

Giữa Ngân hàng Thương mại cổ phần K – Chi nhánh B và ông Phạm Văn T1 có ký kết với nhau Giấy đăng kí phát hành kiêm hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng quốc tế K1.

Giấy đăng kí phát hành kiêm hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng quốc tế K1 số hợp đồng 40019197000490 ngày 26/5/2019 với nội dung sau : Hạn mức 20.000.000 đồng (hai mươi triệu đồng); mục đích vay: Tiêu dùng; thời hạn vay 36 tháng; lãi suất cho vay 22%/năm; lãi suất chậm trả 3.5%/số tiền chậm trả; phí vượt hạn mức: 0.075%/ngày; kỳ hạn trả lãi vay: Hàng tháng, các ngày trả lãi vay là ngày 5 hàng tháng.

Tiền lãi vay được tính bằng dư nợ vay thực tế nhân (x) lãi suất vay (%/năm) nhân (x) lãi suất vay (%/năm) Số ngày vay thực tế chia (:) 365. Trong đó, nếu số ngày vay thực tế chưa đủ 01 ngày thì được tính đủ 01 ngày.

Kỳ hạn trả nợ gốc: Thanh toán tối thiểu so với dư nợ trong kì là 5%. Tỷ lệ này do K2 quy định và có thể thay đổi trong từng thời kì. Số tiền thanh toán tối thiểu mỗi kì bằng 5% nhân với (dư nợ cuối kì - số tiền vượt mức trong kì - số tiền trả góp trong kì) cộng với số tiền vượt hạn mức trong kì, cộng với số tiền trả góp trong kì.

Dư nợ cuối kì bằng dư nợ đầu kì trừ đi các khoản đã thanh toán trong kỳ cộng các khoản chi tiêu trong kỳ, cộng phí, cộng lãi.

Tài sản bảo đảm cho khoản vay: Khoản vay hạn mức thẻ tín dụng không có tài sản đảm bảo.

Về hạn mức, mục đích vay, thời hạn vay, lãi suất vay, lãi suất chậm trả, phí phạt vượt hạn mức, thời hạn vay: Căn cứ theo Quyết định số 4619/QĐ-NHKL ngày 01/12/2023 V/v Ban hành Hạn mức, biểu phí dịch vụ Thẻ và Ngân hàng K, Quyết định 3674A/QĐ-NHKL ngày 11/12/2022 Quy định và phát hành và sử dụng thẻ tín dụng K2.

Trong quá trình thực hiện hợp đồng vay, ông Phạm Văn T1 chỉ thanh toán được một phần nghĩa vụ trả nợ, không thực hiện nghĩa vụ trả nợ đúng như hợp đồng đã ký kết. Tạm tính đến ngày 10/10/2023, ông Phạm Văn T1 còn phải thanh toán cho Ngân hàng số tiền cụ thể: Vốn gốc còn lại 13.805.458 đồng, lãi suất trong hạn 10.567.162 đồng, lãi suất quá hạn 17.087.458 đồng, phí phạt vượt hạn mức 2.478.539 đồng, tổng cộng là 43.938.617 đồng (bốn mươi ba triệu chín trăm ba mươi tám nghìn sáu trăm mười bảy đồng).

Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu ông Phạm Văn T1 thanh toán số tiền tạm tính đến ngày 10/10/2023 là 43.938.617 đồng (bốn mươi ba triệu chín trăm ba mươi tám nghìn sáu trăm mười bảy đồng) và tiền lãi, phạt phát sinh từ ngày 11/10/2023 cho đến khi trả hết nợ theo mức lãi suất thỏa thuận tại Giấy đăng ký



phát hành kèm hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng quốc tế **K2** số 40019197000490 ngày 26/5/2019.

Chứng cứ nguyên đơn cung cấp: Bản sao hồ hồ sơ vay vốn, bản sao Giấy đăng ký phát hành kèm hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng quốc tế **K2** số 40019197000490 ngày 26/5/2019, bản sao bảng kê tính lãi, giấy ủy quyền.

***Quá trình tố tụng và tại phiên tòa, bị đơn ông T1 trình bày:***

Bị đơn ông **Phạm Văn T1** đã được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai không có lý do. Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã thực hiện tổng đạt, công khai các văn bản tố tụng, các tài liệu chứng cứ phía nguyên đơn cung cấp và Tòa án đã thu thập được để bị đơn biết và thực hiện các quyền, nghĩa vụ của mình nhưng bị đơn không cung cấp tài liệu chứng cứ, không cung cấp ý kiến nên không ghi nhận ý kiến của bị đơn.

***Tại phiên tòa, đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Dầu Tiếng có ý kiến:***

Về thủ tục tố tụng: Quá trình tố tụng cũng như diễn biến tại phiên tòa, Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Tòa án đã thực hiện việc thu thập chứng cứ, công khai chứng cứ, hòa giải và mở phiên tòa đúng quy định. Tại phiên tòa, đại diện nguyên đơn ông **T** vắng mặt (có đơn yêu cầu vắng mặt), bị đơn ông **T1** được Tòa án triệu tập nhưng vắng mặt lần thứ hai không có lý do, căn cứ quy định tại các Điều 227, 228, 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự, đề nghị Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án vắng mặt các bên đương sự theo quy định. Không kiến nghị khắc phục, bổ sung thủ tục tố tụng. Quan hệ pháp luật tranh chấp là “Tranh chấp hợp đồng tín dụng”.

Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

**NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Từ những tài liệu chứng cứ đã thu thập có trong hồ sơ. Sau khi nghe lời trình bày của các đương sự tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định,

[1] Tại phiên tòa, đại diện nguyên đơn ông **T** vắng mặt (có đơn yêu cầu vắng mặt), bị đơn ông **T1** được Tòa án triệu tập nhưng vắng mặt lần thứ hai không có lý do. Căn cứ quy định tại các Điều 227, 228, 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án vắng mặt các bên đương sự theo quy định.

[2] Nguyên đơn **Ngân hàng TMCP K** khởi kiện yêu cầu bị đơn ông **Phạm Văn T1** có nghĩa vụ trả số tiền tạm tính đến ngày 10/10/2023 là 43.938.617 đồng (bốn mươi ba triệu chín trăm ba mươi tám nghìn sáu trăm mười bảy đồng) và lãi, phạt phát sinh từ ngày 11/10/2023 cho đến khi trả hết nợ theo mức lãi suất thỏa thuận tại Giấy đăng ký phát hành kèm hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng quốc tế **K2** số 40019197000490 ngày 26/5/2019. Ông **T1** có nơi cư trú tại **ấp H, xã M,**

huyện D, tỉnh Bình Dương nên căn cứ quy định tại khoản 3 Điều 26, khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Dầu Tiếng và có quan hệ pháp luật là “Tranh chấp hợp đồng tín dụng”.

[3] Quá trình tố tụng, nguyên đơn Ngân hàng TMCP K3 chứng cứ là: Bản sao Giấy đăng ký phát hành kiêm hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng quốc tế K2 số 40019197000490 ngày 26/5/2019, bản sao bảng kê tính lãi, theo đó tạm tính đến ngày 10/10/2023, ông Phạm Văn T1 còn phải thanh toán cho Ngân hàng số tiền: Vốn gốc còn lại 13.805.458 đồng, lãi suất trong hạn 10.567.162 đồng, lãi suất quá hạn 17.087.458 đồng, phí phạt vượt hạn mức 2.478.539 đồng, tổng cộng là 43.938.617 đồng. Như vậy tính đến thời điểm tòa án thụ lý vụ án, đã hết thời hạn vay nhưng phía ông T1 không thanh toán hết tiền vay gốc cũng như khoản tiền lãi phát sinh cho Ngân hàng TMCP K. Việc ông T1 không thanh toán hết số tiền còn nợ cho Ngân hàng TMCP K là đã vi phạm thỏa thuận giữa hai bên. Do đó, việc Ngân hàng TMCP K khởi kiện yêu cầu ông T1 trả tiền vay gốc và tiền lãi phát sinh là có căn cứ theo quy định tại các Điều 463, 466, 468, 470 của Bộ luật Dân sự. Theo đó, ông T1 có nghĩa vụ thanh toán cho Ngân hàng TMCP K tổng số tiền vay gốc và tiền lãi vay tạm tính đến hết ngày 10/10/2023 là 43.938.617 đồng và tiền lãi, phạt phát sinh từ ngày 11/10/2023 cho đến khi trả hết nợ theo mức lãi suất thỏa thuận tại Giấy đăng ký phát hành kiêm hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng quốc tế K2 số 40019197000490 ngày 26/5/2019.

[4] Quá trình tố tụng, bị đơn ông Phạm Văn T1 đã được Tòa án đã thực hiện tổng đạt, công khai các văn bản tố tụng, các tài liệu chứng cứ phía nguyên đơn cung cấp và Tòa án đã thu thập được để bị đơn biết và thực hiện các quyền, nghĩa vụ của mình nhưng bị đơn không cung cấp tài liệu chứng cứ, không cung cấp ý kiến nên không ghi nhận ý kiến của bị đơn.

[5] Ý kiến của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Dầu Tiếng về phần các thủ tục tố tụng, diễn biến tại phiên tòa và nội dung giải quyết vụ án là phù hợp với quy định của pháp luật.

[6] Về án phí: Bị đơn ông Phạm Văn T1 phải chịu án phí theo quy định.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

- Căn cứ các Điều 26, 35, 39, 147, 227, 228, 229, 266, 271, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;
- Căn cứ các Điều 463, 466, 468, 470 của Bộ luật Dân sự;
- Căn cứ Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm



- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội Khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện về việc “Tranh chấp hợp đồng tín dụng” của **Ngân hàng TMCP K** đối với ông **Phạm Văn T1**.

Buộc ông **Phạm Văn T1** có nghĩa vụ thanh toán cho **Ngân hàng TMCP K** số tiền tạm tính đến hết ngày 10/10/2023 là 43.938.617 đồng (bốn mươi ba triệu chín trăm ba mươi tám nghìn sáu trăm mười bảy đồng), trong đó tiền vốn gốc còn lại 13.805.458 đồng, tiền lãi suất trong hạn 10.567.162 đồng, tiền lãi suất quá hạn 17.087.458 đồng và phí phạt vượt hạn mức 2.478.539 đồng.

Kể từ ngày 11/10/2023 cho đến khi trả hết nợ, ông **Phạm Văn T1** còn phải trả cho **Ngân hàng TMCP K** tiền lãi, phạt phát sinh theo mức lãi suất thỏa thuận tại Giấy đăng ký phát hành kèm hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng quốc tế **K2** số 40019197000490 ngày 26/5/2019.

2. Án phí dân sự sơ thẩm:

2.1. Ông **Phạm Văn T1** phải chịu số tiền 2.196.930 đồng (hai triệu một trăm chín mươi sáu nghìn chín trăm ba mươi đồng).

2.2. Hoàn trả cho **Ngân hàng TMCP K** số tiền 1.098.465 đồng (một triệu không trăm chín mươi tám nghìn bốn trăm sáu mươi lăm đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0002760 ngày 13/11/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Dầu Tiếng, tỉnh Bình Dương.

3. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ theo quy định.

4. Trường hợp Bản án được thi hành án theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7a và Điều 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự./.

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND huyện Dầu Tiếng;
- CC THA DS huyện Dầu Tiếng;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ, VT.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Trần Văn Tùng**

**THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ**

**THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Trương Hữu Bình**

**Hồ Đắc Minh**

**Trần Văn Tùng**

**THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ**

**THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Trương Hữu Bình**

**Nguyễn Thị Kim Phi**

**Trần Văn Tùng**